

Số: 1392/GCN-LTT-CTCT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2016

## GIẤY CHỨNG NHẬN

**Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh  
chứng nhận:**

Họ tên sinh viên: **Nguyễn Ngọc Song Hương** Sinh ngày: 17/09/2000

Địa chỉ: 89/21A Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Lớp: 15 TCN - QTM 1

MSSV: 15000115

Khóa: 2015

Khoa: Công nghệ thông tin

Chuyên ngành: Quản trị Mạng

Lý do: Trường cấp giấy chứng nhận cho sinh viên Nguyễn Ngọc Song Hương có tham gia các hoạt động ngoại khóa để bổ sung hồ sơ xin học bổng Nữ sinh Kỹ thuật HEEAP. ✓

**Nơi nhận:**

- SV: Nguyễn Ngọc Song Hương (thực hiện);
- Lưu: VT, P.CTCT-HSSV



**HIỆU TRƯỞNG**

**Phạm Hữu Lộc**



MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ HỌC BỔNG NỮ SINH KỸ THUẬT  
HEEAP 2016



FEMALE STUDENT SCHOLARSHIP 2016 APPLICATION

PHẦN 1: THÔNG TIN CÁ NHÂN – SECTION 1: PERSONAL INFORMATION

1. Họ tên (Full name): Nguyễn Thị Ngọc Sơn, Thùy
2. Ngày/ tháng/ năm sinh (Date of Birth DD/MM/YYYY): 17-9-2000
3. Giới tính – (Gender): Nữ - (Female)
4. Điện thoại liên hệ - (Phone): 01218697021
5. Số chứng minh thư – (Identity Number): 301723743
6. Địa chỉ email – (Email Address): heo.sop1310@gmail.com
7. Địa chỉ nhà – (Residential Address): 29/2A, P. Phan Huy Tích, Phường 15, Quận Tân Bình

PHẦN 2: THÔNG TIN HỌC TẬP – SECTION 2: EDUCATION

8. Trường – (College/Uni): Cao đẳng Kỹ Thuật Lý Tự Trọng
9. Khoa – (Department): Công Nghệ Thông Tin
10. Chuyên ngành – (Major): Quản Trị Mạng
11. Hiện là sinh viên năm – (Current Academic Year): Hai
12. Mã/Số hiệu sinh viên – (Student ID): 15000115
13. Điểm Trung bình cộng kết quả học tập tất cả các năm học đại học tính đến thời điểm hiện tại – (Cumulative GPA): 7,8
14. Điểm thi Cao đẳng – dành riêng cho các nữ sinh viên năm 1 – (University entrance exam score):
15. Các giải thưởng, bằng khen học bổng đã nhận. Nêu theo thứ tự quan trọng – (Honors / Awards / Scholarship History – List in order of importance):

16. Các hoạt động Đoàn, Đội, tình nguyện và ngoại khóa khác. Nêu theo thứ tự quan trọng – (Extracurricular / Community Activities. Include school and community activities in order of importance):

PHẦN 3: KỸ NĂNG – SECTION 3: SKILLS

17. Bạn học tiếng Anh bao lâu rồi? – (How long have you been studying English?)

.....10 năm.....

18. Các chứng chỉ / điểm tiếng Anh đã có – (English Certificate, scores available)

19. Bài luận ngắn “Nếu có cơ hội nói chuyện với một nhóm các bạn nữ trẻ tuổi, bạn sẽ nói gì để thuyết phục họ chọn theo đuổi sự nghiệp trong lĩnh vực Khoa học, Công nghệ hoặc Kỹ thuật?” (150-250 từ, có thể trả lời bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh) - Short essay: “If you had the opportunity to speak to a group of young women, what would your speech say to convince them to choose Science, Technology or Engineering as their career path?” (150-250 words)

"Thưa bạn trẻ, lĩnh vực Khoa học Công nghệ Kỹ thuật đang rất phát triển, hiện nay nó chiếm vị trí khá quan trọng để phát triển các ngành nghề. Có lẽ các bạn nữ luôn nghĩ lĩnh vực này chỉ dành cho nam hay nó rất là nhàn chán hoặc thì có việc làm thì vất vả. Khi các bạn theo đuổi nó thì các bạn sẽ không thấy nhàn chán nữa còn thích vì hiện tại nước ta đang phát triển lĩnh vực này thì nên khi các bạn chuyển theo đuổi nó thì chưa chắc khi các bạn sẽ không còn sẽ về vấn đề việc làm. Và khi đi theo lĩnh vực này thì các bạn sẽ góp phần giúp nước ta phát triển lĩnh vực này hơn nữa. Các bạn nữ à, nếu các bạn cố gắng thì đảm bảo các bạn sẽ không lãng phí quãng thời gian các bạn theo đuổi nó đâu."

#### **PHẦN 4: TẬP TIN ĐÍNH KÈM – SECTION 4: FILE ATTACHMENTS**

Sinh viên scan các giấy tờ thành định dạng PDF – (Scan and attach the following documents in PDF format)

**20. Bảng điểm chính thức từ năm 1 đến thời điểm hiện tại** – (Certified GPA from first year up to the application time)

**21. Đối với sinh viên năm 1: Giấy báo nhập học và kết quả học tập 3 năm cấp 3** – (Freshmen provide college admission letter and high school GPA)

**22. Thẻ sinh viên** – (Student ID)

**23. Chứng minh thư nhân dân** – (Nation ID)

**24. Các giấy tờ xác nhận khó khăn tài chính, bằng khen, chứng nhận tham gia ngoại khóa** – (Other awards, financial need certificate, other certificates)

Ngày/tháng/năm – Date:

Ký tên – Signature: